



SỬ DỤNG TẠO TÁC TRONG CÁC LỚP TIẾNG ANH BẬC ĐẠI HỌC NHÌN TỪ LĂNG KÍNH CỦA THUYẾT VĂN HOÁ VÀ XÃ HỘI

Lê Phạm Hoài Hương *, Trần Thị Thanh Thương

Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Huế,
57 Nguyễn Khoa Chiêm, tp. Huế, Thừa Thiên Huế

* Tác giả liên hệ: Lê Phạm Hoài Hương <lphhuong@hueuni.edu.vn>
(Ngày nhận bài: 03-08-2021; Ngày chấp nhận đăng: 27-09-2021)

Tóm tắt. Nghiên cứu này sử dụng thuyết văn hoá và xã hội để tìm hiểu các tạo tác được sử dụng trong các lớp học tiếng Anh bậc đại học và sinh viên tương tác với các tạo tác như thế nào trong tiến trình học tiếng Anh. Số liệu từ khảo sát với 150 sinh viên được phân tích định lượng và phỏng vấn với 20 sinh viên trong số toàn bộ khách thể được phân tích định tính. Kết quả cho thấy phần trăm đồng ý cao nhất đối với việc sử dụng sách giáo khoa/giáo trình để học tiếng Anh tại lớp. Ngoài ra, sinh viên đồng thuận cao với ý kiến về việc sử dụng vở và bút ghi chép để trợ giúp tiến trình ghi nhớ và hiểu kỹ hơn bài giảng của giáo viên. Họ cũng cho rằng việc sử dụng dùng phần mềm Powerpoint trong trình bày tại lớp thúc đẩy tương tác giữa suy nghĩ của họ với nội dung trình bày. Qua phỏng vấn, hầu hết sinh viên cho rằng tương tác với sách giáo khoa giúp sinh viên hiểu bài hơn và các hình ảnh trong sách giáo khoa giúp họ hình dung bài học dễ dàng hơn. Từ kết quả tìm được, bài viết cung cấp các kiến nghị cho giáo viên và sinh viên về việc sử dụng các tạo tác trong quá trình học tiếng Anh.

Từ khóa: Thuyết văn hoá và xã hội, tạo tác, học tiếng Anh.

THE USE OF ARTIFACTS IN EFL CLASSES AT UNIVERSITY: A SOCIOCULTURAL PERSPECTIVE

Le Pham Hoai Huong *, Tran Thi Thanh Thuong

University of Foreign Languages, Hue University, 57 Nguyen Khoa Chiem St., Hue, Vietnam

* Correspondence to Le Pham Hoai Huong <lphhuong@hueuni.edu.vn>
(Received: August 03, 2021; Accepted: September 27, 2021)

Abstract. This study adopted sociocultural theory as the theoretical framework to explore the artifacts used in English classes at a university and how students interacted with artifacts in their English learning

process. Data collected from the questionnaire completed by 150 students and interviews with 20 of them were analyzed quantitatively and qualitatively. The findings indicate the highest percentage for the statement that textbooks/course materials were used in the English classes. In addition, students showed high agreement with the use of notebooks and pens/pencils to assist with their remembering process and understanding more deeply the lectures. They also reported to use Powerpoint in their presentations in the classroom to facilitate the interaction between their thinking and the presentation contents. In the interviews, most of the students stated that the textbooks helped them to understand the lessons more clearly and the visuals in the textbooks helped them to contextualize the lessons more easily. From the findings, the article provides implications for teachers and students regarding the use of artifacts in English classes.

Keywords: Sociocultural theory, artifact, English learning.

1. Mở đầu

Thuyết văn hoá và xã hội do Vygotsky và các cộng sự đề ra, nhấn mạnh vai trò trung gian suy nghĩ của người sử dụng thông qua tạo tác (Le, 2021). Tạo tác lớp học luôn đóng một vai trò quan trọng trong quá trình dạy học và có khả năng quyết định tới kết quả của cả hoạt động dạy học. Tạo tác lớp học (artifact) hay công cụ (tool) (Hennessy, 2011) được định nghĩa bao gồm vật thể và công cụ ký hiệu/hình tượng hay còn gọi là ngôn ngữ (Orland-Barak & Maskit, 2017, tr.8). Công cụ vật thể và ký hiệu có khả năng giúp người học tổ chức và giám sát các tiến trình suy nghĩ, ví dụ như sự chú ý, giải quyết vấn đề, lên kế hoạch, đánh giá, và học có chủ ý. Nhìn chung, tạo tác là một công cụ mà khi nó được sử dụng có thể thay đổi nhận thức của con người (Niu, Lu & You, 2018; Le, 2021; Le & Bui, 2021). Xét về phương diện giáo dục, thuyết văn hóa xã hội cung cấp một đường hướng cho việc xem xét sự phát triển nhận thức của người học qua việc sử dụng ngôn ngữ, một công cụ hình tượng, và tạo tác khác, cụ thể như sách, hình ảnh, máy tính, v.v.

Việc thực hiện hoạt động dạy học thông qua các tạo tác lớp học có thể thúc đẩy việc tiếp thu tri thức trừu tượng và nâng cao hiệu quả của tiến trình dạy học. Đối với sinh viên và việc học, tạo tác lớp học giúp truyền thụ tri thức, tạo hứng thú học tập cũng như hình thành kỹ năng của sinh viên thông qua sử dụng các tạo tác lớp học. Tạo tác bao gồm những phương tiện nghe nhìn luôn là những yếu tố không thể thiếu trong một lớp học ngoại ngữ. Ngày nay khi công nghệ được xem là một phần bắt buộc của lớp học thì tạo tác càng thể hiện vai trò quan trọng hơn (Le, 2020).

Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm tìm hiểu việc sử dụng các tạo tác lớp học trong các lớp tiếng Anh tại một trường đại học theo thuyết văn hoá và xã hội. Cụ thể hơn, nghiên cứu này tìm hiểu các tạo tác nào được sinh viên sử dụng trong các lớp tiếng Anh, cách thức mà các tạo tác đóng vai trò trung gian kiến tạo trong tiến trình học tiếng Anh của sinh viên, phân tích việc

sử dụng tạo tác lớp học theo thuyết văn hoá và xã hội, và đề ra kiến nghị giúp sử dụng hiệu quả các tạo tác lớp học. Với những mục tiêu này, nghiên cứu này nhằm trả lời các câu hỏi sau:

- Các tạo tác nào được sử dụng trong các lớp học tiếng Anh bậc đại học?
- Sinh viên tương tác với các tạo tác như thế nào trong tiến trình học tiếng Anh?

2. Tạo tác lớp học theo thuyết văn hoá và xã hội

Theo thuyết văn hoá và xã hội, thông qua lao động, con người có thể hình thành và phát triển thêm nhiều ý tưởng để cải thiện những việc mình đang làm và tiếp tục phát minh ra các công cụ mới. Các phương tiện dạy học, hay các tạo tác lớp học, bao gồm giáo trình, tài liệu, máy tính, phương tiện đa truyền tin, biểu tượng, sơ đồ, đồ dùng thí nghiệm, thiết bị kỹ thuật, v.v.v. trong chừng mực nào đó đóng một vai trò tương tự.

Tạo tác lớp học hay công cụ dạy học theo tác giả Niu, Lu và You (2018) bao gồm 3 loại: vật chất (ví dụ: bút, giấy), hình tượng (ví dụ: ngôn ngữ, số, tranh ảnh) và văn hoá (ví dụ: tuyển tập bài tập portfolio, hoạt động và máy tính). Lantolf và Thorne (2006) chỉ ra rằng các tạo tác văn hoá đóng vai trò trung gian trong những hoạt động tinh thần và xã hội của con người. Trong lớp học, trung gian tiến trình suy nghĩ có thể diễn ra theo một số hình thức. Một trong những hình thức đó là trung gian suy nghĩ thông qua sách, máy tính, người nói chuyện để thúc đẩy tiến trình suy nghĩ và lĩnh hội kiến thức. Một số tác giả khác chỉ ra tạo tác lớp học bao gồm giáo án, tài liệu dạy học, video, bài tập của sinh viên, các loại hình công nghệ có khả năng thúc đẩy các hoạt động giao tiếp (Borko, Kuffne, Arnold, Creighton, Stecher, Martinez & Gilbert, 2007; Orland-Barak & Maskit, 2017). Theo Niu, Lu và You (2018), năm tạo tác đóng vai trò xúc tiến việc học nói tiếng Anh và sách giáo khoa, chương trình học, các kỳ thi, cuộc thi, và Internet, tất cả đều thuộc nhóm tạo tác văn hoá. Ngày nay, công nghệ, ví dụ như máy tính, phương tiện đa truyền tin, đã trở nên một yếu tố không thể thiếu trong các lớp học ngoại ngữ. Việc giao tiếp qua email, instant messenger, chat có thể làm thay đổi đời sống hàng ngày của người sử dụng cũng góp phần trung gian suy nghĩ tìm ý đối người học tiếng Anh (Lê & Bui, 2021).

Sử dụng thuyết văn hoá và xã hội để phân tích việc sử dụng tạo tác lớp học sẽ làm sáng tỏ được về phương diện tri thức các sinh viên cùng nhau kiến tạo kiến thức thông qua tạo tác (ví dụ: sách giáo khoa, trò chơi máy tính, internet, và các tạo tác khác) như thế nào. Ngoài ra, theo thuyết văn hoá xã hội, tạo tác là các vật thể nhằm tái tạo lại những thực thi xã hội và văn hoá (Øygardslia & Aarsand, 2018, tr. 3), do vậy khi nhìn nhận việc sử dụng các tạo tác này trong lớp học giúp chúng ta hiểu thêm mối quan hệ giữa tài liệu dạy học, người học, văn hoá và xã hội.

Các nghiên cứu liên quan

Các nghiên cứu trước đây đã tập trung vào từng loại tạo tác lớp học riêng biệt bao gồm sách giáo khoa, máy tính, sử dụng internet, truyện tranh, và các trò chơi trong lớp học ngoại ngữ. Ví dụ, Le (2021) đã nghiên cứu việc sử dụng sách giáo khoa tiếng Anh và tìm thấy rằng sách giáo khoa quyết định phương cách mà một hoạt động trong lớp học được thực hiện bởi vì sách giáo khoa là một tạo tác cung cấp chỉ dẫn, những khái niệm và từ vựng mà sinh viên có thể sử dụng trong các hoạt động trong lớp học. Sách giáo khoa được tìm thấy đóng vai trò như người thầy đưa ra những chỉ dẫn mà thông qua những chỉ dẫn này, người học tiến hành tiến trình suy nghĩ, thực hiện hoạt động và đi đến kết quả được yêu cầu.

Nghiên cứu của Bagherpour, Rashtchi và Birjandi (2017) cho thấy rằng khi sinh viên làm việc theo cặp trong các hoạt động viết hợp tác trong bối cảnh mặt đối mặt, họ viết những đoạn văn có tính phức tạp cao hơn so với những sinh viên làm việc một mình trên máy tính không đồng bộ hoá. Các tác giả này đã khẳng định rằng sự hợp tác trong lớp học đã giúp người học cùng kiến tạo kiến thức thông qua sự trợ giúp của bạn cùng lớp. Tiến trình trung gian suy nghĩ được thực hiện nhờ sự hiện diện của chủ thể là sinh viên làm việc theo cặp và vật thể là bài tập viết bằng tiếng Anh.

Niu, Lu và You (2018) nghiên cứu các tạo tác và tiến trình học tiếng Anh tại nước Trung Hoa. Nghiên cứu cho thấy rằng năm tạo tác đã làm trung gian cho việc học nói tiếng Anh bao gồm sách giáo khoa tiếng Anh, chương trình, các bài thi, cuộc thi, và Internet. Sinh viên tham gia nghiên cứu cho rằng các sách giáo khoa có tài liệu nguyên tác mang tính thực tế đã thúc đẩy tiến trình nói tiếng Anh của họ. Ngoài ra, những sách giáo khoa này giúp họ lĩnh hội kiến thức thực tế và tạo cơ hội nói tiếng Anh cho họ. Nghiên cứu của Jiang, Smith và Shen (2019) về tương tác lớp học và sử dụng truyện tranh tìm thấy người học yêu thích thảo luận các loại truyện tranh và truyện tranh đã thúc đẩy những hoạt động mang tính hợp tác.

Kaur (2017) nghiên cứu việc sử dụng từ điển trong quá trình học tiếng Anh của sinh viên Mã Lai. Cứ liệu được thu thập từ phỏng vấn và nhật ký học tập. Kết quả cho thấy rằng từ điển là một tạo tác hết sức thiết yếu giúp người học tăng tính tự chủ và cải thiện trạng thái cảm xúc của họ. Ngoài ra, tạo tác khi sử dụng trong hoạt động nhóm phù hợp với giá trị văn hoá tập thể của người Mã Lai, và vì vậy trợ giúp tiến trình học của sinh viên.

Alzubi and Singh (2018) đã nghiên cứu sự ảnh hưởng của các chiến lược sử dụng điện thoại di động và tính tự chủ trong việc học tiếng Anh như là một ngoại ngữ, cụ thể là môn đọc đối với sinh viên đại học người Saudi Arabia. Hai lớp học ngoại ngữ gồm 70 sinh viên học theo cách truyền thống và một lớp được thực nghiệm có sử dụng điện thoại thông minh với những ứng dụng như từ điển, WhatsApp, camera, internet thu âm ghi chú để hỏi thông tin với bạn cùng lớp và chỉnh sửa trong 12 tuần. Kết quả tìm được cho thấy rằng các ứng dụng và chiến lược xã hội đã thúc đẩy sự tự chủ trong việc học tiếng Anh qua tương tác xã hội, tự điều chỉnh

của sinh viên, hỗ trợ lẫn nhau. Ngoài ra, nghiên cứu của Bagarukayo, Ssentamu, Mayisela và Brown (2016) cho thấy Facebook giúp sinh viên truyền tải kiến thức trong bài thuyết trình sang phần thực hành và sinh viên tương tác qua Facebook có thể mở rộng kiến thức và kỹ năng ứng dụng.

Trong bối cảnh Việt Nam, các tạo tác trong lớp học đã được nghiên cứu trong bối cảnh dạy học tiếng Anh. Các tạo tác này bao gồm những thiết bị như điện thoại thông minh, các phương tiện hỗ trợ trực quan, sách giáo khoa và các ứng dụng của công nghệ thông tin. Theo tác giả Thuỳ Trang (2019) sử dụng điện thoại thông minh trong giờ học tiếng Anh mang lại một số thuận lợi ví dụ như tạo động cơ cho học sinh hướng đến đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, đặc biệt trong môn ngoại ngữ, giúp học sinh làm việc và học tập tự chủ và tự mình khám phá kiến thức. Tìm hiểu tạo tác ở một khía cạnh khác, Nhạc Thanh Hương và Lã Nguyễn Bình Minh (2018) cho rằng trang thiết bị, phương tiện dạy học, tuy không phải là yếu tố quyết định nhưng là yếu tố cần thiết tác động đến kết quả học tập của người học. Ngoài ra, hai tác giả này còn cho rằng việc sử dụng những phương tiện để hỗ trợ trực quan, ví dụ như hình minh hoạ trực quan như biểu đồ, đồ thị, bảng, máy chiếu, băng video để hỗ trợ dạy học sẽ làm cho bài giảng sinh động hơn, tiết kiệm thời gian viết bảng, và để giành thời gian cho giảng viên giải thích, cho sinh viên đặt câu hỏi và thảo luận. Kết quả khảo sát cho thấy có đến 65% người học đánh giá cao sự ảnh hưởng của phòng học đầy đủ trang thiết bị học tập với việc yêu thích giờ học ngoại ngữ. Nghiên cứu của Đinh Thị Bảo Hương (2015) đã tìm thấy giáo viên tiếng Anh sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin chuyên biệt cho việc học ngoại ngữ. Kết quả cho thấy mức độ ảnh hưởng của các công cụ này thay đổi khác nhau nhưng giáo viên luôn đóng vai trò quan trọng nhất trong việc sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trong lớp học.

Nhìn chung, việc sử dụng thuyết văn hoá xã hội trong nghiên cứu tạo tác lớp học đã được thực hiện hơn một thập niên qua và mang tính toàn cầu. Một đường hướng nghiên cứu như vậy có ưu thế trong việc đi sâu tìm hiểu tiến trình tương tác giữa con người là chủ thể, cụ thể hơn là sinh viên/ người học trong lớp học với tạo tác. Mỗi tạo tác đóng một vai trò trung gian xúc tiến quá trình suy nghĩ của người học, giúp học có thêm ý tưởng mới, bởi vì, khi tương tác với sách, giáo trình, máy tính, internet hay các công cụ khác, người học kích hoạt và sử dụng kiến thức mà họ đã sẵn có, phối hợp với các ký hiệu, chỉ dẫn, hình ảnh hay hoạt động từ sách giáo khoa để hình thành nên nhiều suy nghĩ và tri nhận khác. Các nghiên cứu trước đây ở các nước trên thế giới và Việt Nam đã đi sâu tìm hiểu từng loại tạo tác cụ thể trong dạy học ngoại ngữ, cụ thể là loại tạo tác nào được sử dụng và lợi ích và tác dụng của từng loại tạo tác cụ thể, nhưng chưa có một nghiên cứu nào dùng thuyết văn hoá xã hội để tìm hiểu vai trò trung gian của tạo tác nói chung và sách giáo khoa nói riêng đối với tiến trình suy nghĩ, kiến tạo kiến thức trong việc học tiếng Anh của sinh viên đại học.

3. Phương pháp nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu này bao gồm 150 sinh viên ngành tiếng Anh. Các em được mời tham gia trả lời phiếu khảo sát và 20 em trong số 150 em tham gia phỏng vấn. Theo tác giả Graglia (2021), số lượng nhóm khách thể càng lớn càng phản ánh chính xác nhóm chung. Nhìn chung kích cỡ tối thiểu nhóm khách thể là 100 để có được ý nghĩa về thống kê. Nghiên cứu này đã chọn 150 khách thể vì những lý do như vậy. Việc sử dụng tạo tác trong lớp học được giáo viên và sinh viên thực hiện, tuy vậy đề tài này chỉ tập trung vào việc sử dụng tạo tác của sinh viên.

Công cụ thu số liệu

Nghiên cứu này sử dụng phiếu khảo sát bao gồm ba nhóm câu hỏi. Nhóm câu hỏi một gồm có 9 câu hỏi tập trung vào chủ đề các tạo tác được sử dụng trong các lớp học tiếng Anh; nhóm hai gồm 12 câu hỏi tập trung vào chủ đề sinh viên tương tác với các tạo tác như thế nào trong tiến trình học tiếng Anh tại lớp; và nhóm ba gồm 8 câu hỏi tập trung vào chủ đề sử dụng sách giáo khoa trong các lớp tiếng Anh. Phiếu khảo sát được phát cho sinh viên vào giờ giải lao và thu lại sau khi sinh viên điền thông tin xong.

Phỏng vấn với sinh viên được thực hiện dựa trên 11 câu hỏi chuẩn bị sẵn tập trung vào hai vấn đề chính, việc sử dụng tạo tác lớp học nói chung và sách giáo khoa nói riêng. Khách thể tham gia phỏng vấn theo nhóm, mỗi nhóm 10 người nhằm thu được thông tin phong phú hơn do khi phỏng vấn theo nhóm, người nói sau sẽ có khuynh hướng không lặp lại ý người trước và mọi người sẽ tập trung lắng nghe và trả lời phỏng vấn hơn.

Phân tích số liệu

Phiếu khảo sát được xử lý bằng SPSS, tính giá trị độ tin cậy Cronbach's Alpha, giá trị trung bình, độ lệch chuẩn. Phỏng vấn được xử lý theo những nội dung mang tính phổ quát nổi bật. Sinh viên tham gia phỏng vấn được ký hiệu tên là SV1 đến SV20 (sinh viên 1-20). Để đảm bảo tính tin cậy và trung thực về số liệu của nghiên cứu, Cronbach's alpha được tính cho số liệu định lượng từ phiếu điều tra.

4. Kết quả

4.1. Độ tin cậy và giá trị trung bình các nhóm chủ đề

Trước khi đi vào phân tích kết quả tìm được cho câu hỏi nghiên cứu thứ nhất về các tạo tác được sử dụng trong các lớp học tiếng Anh, hệ số tin cậy của toàn bộ dữ liệu gồm 150 bảng hỏi câu hỏi được tính và đạt giá trị Cronbach's alpha là 0,836 cho 30 câu hỏi trong bảng hỏi. Hệ số này chứng tỏ bảng câu hỏi có độ tin cậy cao, chính xác cho những kết quả thu được. Giá trị trung bình của 3 nhóm vấn đề cũng được so sánh và được thống kê như sau:

Bảng 1. So sánh giá trị trung bình các nhóm chủ đề

| | Tổng số | Giá trị nhỏ nhất | Giá trị lớn nhất | Giá trị trung bình | Độ lệch chuẩn |
|-------------------------|----------------|-------------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------|
| Nhóm chủ đề 1 (Q1-Q9) | 150 | 2,22 | 5,00 | 3,67 | 0,49 |
| Nhóm chủ đề 2 (Q10-Q22) | 150 | 2,77 | 5,00 | 4,12 | 0,39 |
| Nhóm chủ đề 3 (Q23-Q30) | 150 | 2,50 | 5,00 | 3,97 | 0,52 |

Cụ thể các kết quả đạt được cho câu hỏi nghiên cứu về các tạo tác được sử dụng trong các lớp học tiếng Anh được trình bày dưới đây.

4.2. Việc sử dụng các tạo tác trong các lớp học tiếng Anh bậc đại học

Kết quả phân tích bảng khảo sát cho thấy giá trị như sau:

Bảng 2. Giá trị trung bình của các phát biểu trong nhóm các tạo tác được sử dụng trong các lớp học tiếng Anh

| Phát biểu | Giá trị nhỏ nhất | Giá trị lớn nhất | Giá trị trung bình | Độ lệch chuẩn |
|---|-------------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------|
| 1. Tôi sử dụng giấy, bút, và các đồ dùng học tập khác để học tiếng Anh tại lớp. | 2 | 5 | 4,57 | 0,63 |
| 2. Tôi sử dụng sách giáo khoa/giáo trình để học tiếng Anh tại lớp. | 2 | 5 | 4,59 | 0,56 |
| 3. Tôi sử dụng tài liệu khoa học để học tiếng Anh tại lớp. | 1 | 5 | 3,93 | 1,05 |
| 4. Tôi sử dụng các thiết bị điện tử ví dụ như máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, v.v. để học tiếng Anh tại lớp. | 1 | 5 | 3,46 | 1,13 |
| 5. Tôi sử dụng các ứng dụng ví dụ như Youtube, Facebook, Moodle để học tiếng Anh tại lớp. | 1 | 5 | 2,81 | 1,22 |
| 6. Tôi sử dụng Powerpoint trong lớp học tiếng Anh | 1 | 5 | 3,54 | 1,02 |

| | | | | |
|--|------|------|------|------|
| 7. Tôi sử dụng các video trong các lớp học tiếng Anh | 1 | 5 | 3,10 | 1,02 |
| 8. Tôi sử dụng tuyển tập bài tập (portfolio) trong các lớp học tiếng Anh | 1 | 5 | 2,91 | 0,99 |
| 9. Tôi thực hiện các hoạt động liên quan đến bài học trong các lớp học tiếng Anh | 1 | 5 | 4,14 | 0,78 |
| Giá trị trung bình toàn chủ đề " <i>Các tạo tác được sử dụng trong các lớp học tiếng Anh</i> " | 2,22 | 5,00 | 3,67 | 0,49 |

Dữ liệu thu được bảng 2 cho thấy tỉ lệ đồng ý cao về "*các tạo tác được sử dụng trong các lớp học tiếng Anh*" với giá trị trung bình toàn nhóm chủ đề là $M=3,67$ và độ lệch chuẩn ($SD=0,49$). Hai phát biểu có BTTB cao nhất đó là hoạt động "Tôi sử dụng sách giáo khoa/giáo trình để học tiếng Anh tại lớp" ($M=4,59$; $SD=0,56$), và "Tôi sử dụng giấy, bút, và các đồ dùng học tập khác để học tiếng Anh tại lớp" ($M=4,59$; $SD=0,63$). Kết quả này phản ánh thực tế rằng sách giáo khoa vẫn là công cụ chính trong các lớp học tiếng Anh tại địa điểm nghiên cứu.

Riêng phát biểu "Tôi sử dụng các ứng dụng ví dụ như Youtube, Facebook, Moodle để học tiếng Anh tại lớp" ($M= 2,81$; $SD=1,22$) có giá trị trung bình thấp nhất. Điều này có thể giải thích rằng các phương tiện trang mạng xã hội ít khi được sử dụng trong lớp học tiếng Anh do sách giáo khoa vẫn là công cụ chính. Đáng chú ý là phát biểu "Tôi thực hiện các hoạt động liên quan đến bài học trong các lớp học tiếng Anh" ($M=4,14$; $SD=0,78$) cũng đạt được giá trị trung bình cao thứ ba trong nhóm chủ đề này do đối với sinh viên, khi đã sử dụng sách giáo khoa, các em phải thực hiện nhiều hoạt động trong sách.

Trong phỏng vấn theo nhóm, tất cả các sinh viên đã khẳng định là họ dùng sách giáo khoa, giáo trình, điện thoại, bút, vở, từ điển, máy tính xách tay, powerpoint, mạng Internet, v.v để tương tác và học tiếng Anh tại lớp. Ngoài ra, các sinh viên khác có nêu thêm máy chiếu, vở ghi chép, tranh ảnh, điện thoại, bảng trong quá trình học tiếng Anh.

Nhìn chung, kết quả khảo sát về các tạo tác trong lớp học cho thấy hầu hết sinh viên cho rằng họ sử dụng sách giáo khoa/giáo trình để học tiếng Anh tại lớp với số phần trăm đồng ý cao nhất tiếp theo là sử dụng vở giấy, bút, và các đồ dùng học tập khác để học tiếng Anh tại lớp. Kết quả này phản ánh thực tế rằng sách giáo khoa vẫn là công cụ chính trong các lớp học tiếng Anh tại địa điểm nghiên cứu. Kết quả này cũng được khẳng định qua phỏng vấn theo nhóm với sinh viên. Nhìn chung, sách giáo khoa/giáo trình luôn đóng vai trò chủ đạo là nguồn tạo tác cung cấp nguồn ngôn ngữ, các hoạt động, hình ảnh cho sinh viên trong quá trình học tiếng Anh.

4.2 Nhận thức của sinh viên về vai trò của các tạo tác trong quá trình học tiếng Anh

Các giá trị trung bình của các phát biểu trong nhóm chủ đề 2 từ phía sinh viên được thống kê cụ thể như sau:

Bảng 3 Giá trị trung bình của các phát biểu trong nhóm chủ đề “*Sinh viên tương tác với các tạo tác như thế nào trong tiến trình học tiếng Anh tại lớp*”

| Phát biểu | Giá trị nhỏ nhất | Giá trị lớn nhất | Giá trị trung bình | Độ lệch chuẩn |
|--|------------------|------------------|--------------------|---------------|
| 10. Khi sử dụng giấy bút và đồ dùng học tập khác, tôi có thể ghi nhớ và hiểu kỹ hơn bài giảng của giáo viên. | 1 | 5 | 4,45 | 0,681 |
| 11. Các nguồn dữ liệu trong sách ví dụ chỉ dẫn, hình ảnh, màu sắc, chú thích giúp tôi hiểu được bài và suy nghĩ thêm được những vấn đề khác liên quan đến bài học tại lớp. | 1 | 5 | 4,30 | 0,632 |
| 12. Các tài liệu khoá học xúc tiến quá trình suy nghĩ của tôi về những khái niệm trong bài học trong các lớp tiếng Anh. | 1 | 5 | 4,03 | 0,695 |
| 13. Nhờ có chỉ dẫn ghi ở các tài liệu khoá học, tôi có thể giải quyết được các hoạt động giáo viên yêu cầu trong các lớp tiếng Anh | 2 | 5 | 4,03 | 0,689 |
| 14. Những hình ảnh từ các tài liệu lớp học tiếng giúp tôi hiểu được các ý nghĩa liên quan đến các hoạt động đề ra | 2 | 5 | 4,20 | 0,645 |
| 15. Những hình ảnh từ các tài liệu trong lớp học tiếng Anh giúp tôi hiểu được và giải quyết vấn đề tại lớp. | 2 | 5 | 4,07 | 0,702 |
| 16. Các thiết bị điện tử ví dụ như máy tính bảng, điện thoại di động, v.v. giúp tôi tương tác với các thầy cô và các bạn trong các lớp tiếng Anh | 1 | 5 | 3,98 | 0,790 |

| | | | | |
|---|------|------|------|-------|
| 17. Âm thanh và hình ảnh sinh động từ các thiết bị điện tử ví dụ như máy tính bảng, điện thoại di động, v.v. giúp tôi hiểu rõ hơn vấn đề/hoạt động trong lớp học. | 3 | 5 | 4,25 | 0,647 |
| 18. Các ứng dụng Youtube, Facebook, Moodle v.v. là hữu ích với tôi trong quá trình tìm kiếm thông tin liên quan đến lớp học tiếng Anh | 1 | 5 | 4,07 | 0,761 |
| 19. Thông qua tương tác với các ứng dụng như Youtube, Facebook, Moodle v.v. tôi có thể suy nghĩ của mình về các vấn đề liên quan đến bài học trong các lớp tiếng Anh. | 2 | 5 | 3,95 | 0,698 |
| 20. Việc dùng phần mềm powerpoint trong trình bày tạo lớp thúc đẩy tương tác giữa suy nghĩ của tôi với nội dung trình bày. | 1 | 5 | 4,25 | 0,665 |
| 21. Các tuyển tập bài tập (portfolio) trong các lớp học tiếng Anh giúp tôi hình thành và sử dụng các suy nghĩ liên quan đến bài tập/ hoạt động được giao | 2 | 5 | 3,84 | 0,724 |
| 22. Các hoạt động trong các lớp học tiếng Anh giúp tôi hình thành các suy nghĩ liên quan đến hoạt động được giao | 2 | 5 | 4,13 | 0,682 |
| Giá trị trung bình toàn chủ đề " <i>Sinh viên tương tác với các tạo tác như thế nào trong tiến trình học tiếng Anh tại lớp</i> " | 2,77 | 5,00 | 4,12 | 0,396 |

Dữ liệu thu được bảng 2 cho thấy các sinh viên tiếng Anh tương tác với các tạo tác với giá trị trung bình $M=4,12$ và độ lệch chuẩn ($SD=0,396$). Phát biểu được cho là giá trị trung bình cao nhất từ sinh viên đó là "Khi sử dụng giấy bút và đồ dùng học tập khác, tôi có thể ghi nhớ và hiểu kỹ hơn bài giảng của giáo viên" ($M=4,45$; $SD=0,681$), và phát biểu "Thông qua tương tác với các ứng dụng như Youtube, Facebook, Moodle v.v. tôi có thể suy nghĩ của mình về các vấn đề liên quan đến bài học trong các lớp tiếng Anh" ($M=3,95$; $SD=0,698$), có giá trị trung bình thấp nhất.

Có hai phát biểu cùng đạt GTTB cao ($M=4,25$; $SD=0,665$) là "Việc dùng phần mềm Powerpoint trong trình bày tạo lớp thúc đẩy tương tác giữa suy nghĩ của tôi với nội dung trình bày" và "Âm thanh và hình ảnh sinh động từ các thiết bị điện tử ví dụ như máy tính bảng, điện thoại di động, v.v. giúp tôi hiểu rõ hơn vấn đề/hoạt động trong lớp học." Điều này có thể giải

thích rằng các tiết học của sinh viên ở đại học, việc sử dụng trình duyệt trình chiếu Powerpoint trong lớp học là phổ biến. Sinh viên trong quá trình tương tác với các trình chiếu, họ có thể hướng dẫn suy nghĩ của mình với nội dung trình bày. Các âm thanh và hình ảnh từ các bài học tiếng Anh, theo các sinh viên tham gia nghiên cứu này, cũng đóng vai trò quan trọng giúp họ hiểu bài học.

Hiện nay, ứng dụng công nghệ trong lớp học trở nên rất phổ biến. Phát biểu “Các thiết bị điện tử ví dụ như máy tính bảng, điện thoại di động, v.v. giúp tôi tương tác với các thầy cô và các bạn trong các lớp tiếng Anh” trong nghiên cứu này đạt giá trị trung bình là 3,98, tuy khá cao, vẫn đứng vị trí thấp hơn so với giá trị trung bình của các phát biểu khác. Điều này cũng phản ánh một thực tế là trong các lớp học trực tiếp, giáo viên và sinh viên ít khi sử dụng các thiết bị điện tử để tương tác với nhau.

4.3. Ý kiến của sinh viên về tương tác với các tạo tác trong quá trình học tiếng Anh

Để hiểu rõ hơn về chủ đề sinh viên tương tác với các tạo tác trong quá trình học tiếng Anh, nhóm tác giả đã phỏng vấn theo nhóm 20 sinh viên. Phân ghi âm trả lời của phỏng vấn của sinh viên về vấn đề tương tác với tạo tác trong quá trình học tiếng Anh phong phú và phản ánh nhiều khía cạnh. Dưới đây là một số lời trích từ phỏng vấn với các sinh viên:

- *Giáo trình giúp em theo dõi bài dễ dàng hơn, em dùng vở để ghi chú ngữ pháp, sử dụng điện thoại để tìm kiếm kiến thức mới liên quan đến bài học. (SV3).*
- *Em dùng điện thoại để tra từ mới, ghi chú bài tập (SV6,14, và15).*
- *Em dùng sách giáo khoa chủ yếu cho các bài đọc hiểu và làm bài tập, em thường ghi chú vào sách. Ngoài ra, em dùng từ điển để tra từ (SV7, 11, và 19).*
- *Em ghi chú vào vở, đánh dấu sách, và tìm kiếm google những thông tin liên quan đến bài học (SV10 và 20).*
- *Em dùng viết highlight để đánh dấu ý chính (SV 16).*
- *Em thỉnh thoảng sử dụng điện thoại để tìm kiếm thông tin liên quan đến bài học tại lớp (SV 18).*

Các câu trả lời phỏng vấn trên của sinh viên cho thấy sinh viên sử dụng nhiều loại tạo tác khác nhau trong đó sách giáo khoa được dùng gắn kết cùng bài học ở lớp giúp sinh viên hiểu bài, thậm chí thành nơi ghi chú. Điện thoại di động cũng được sử dụng với chức năng giúp họ tìm kiếm thông tin liên quan đến bài học, giúp họ có thêm kiến thức liên quan. Những tạo tác khác như từ điển, bút tô sáng cũng được sử dụng để giúp tiến trình ghi nhớ, tìm hiểu từ, và phục vụ mục đích học tại lớp.

Cụ thể tạo tác đã giúp sinh viên suy nghĩ như thế nào trong khi học tiếng Anh cũng được đặt câu hỏi cho 20 sinh viên tham gia phỏng vấn. Dưới đây là các trích dẫn minh họa từ lời ghi âm phỏng vấn các sinh viên:

- Khi em dùng Powerpoint để thuyết trình tại lớp, em cảm thấy tự tin và có thể nói lưu loát, nhớ phần trình bày của mình hơn. (SV1 và 3).
- Em thường ghi chép, giúp tổng kết ý, kiểm tra vào giáo trình để nhớ lâu hơn. Em còn đọc các cấu trúc trong sách giáo khoa để nhớ và sử dụng khi nói tiếng Anh (SV4, 12, và 15).
- Em học các từ, cấu trúc câu từ sách giáo khoa cũng như các ý tưởng, rồi cố gắng sử dụng khi nói và viết tiếng Anh (SV5).
- Em dùng điện thoại để có nhiều từ hơn, từ điển trên điện thoại phát âm từ, em có thể nghe cách phát âm của một từ vài lần để phát âm tốt (SV6 và 18).
- Em dùng highlight để ghi chú và tập trung vào những điểm quan trọng (SV 13).
- Em xem Youtube khi giáo viên cho xem ở lớp, các video clips giúp tự học cách trình bày và học thêm từ mới (SV 17 và 20).

Trả lời của sinh viên 01 và 03 cho thấy Powerpoint giúp với ghi nhớ và sử dụng ngôn ngữ khi trình bày lưu loát hơn. Sự ghi nhớ của sinh viên cũng được củng cố khi sinh viên ghi chép vào giáo trình như phát biểu của sinh viên 04, 12 và 15. Sinh viên 13 nêu tính năng của bút tô sáng nhằm giúp tập trung sự chú ý vào các điểm quan trọng của bài học. Sự trợ giúp của các phương tiện đa truyền tin như Youtube hay các video giúp sinh viên học được cách trình bày và từ vựng trong tiếng Anh. Các phát biểu này cho thấy, hầu hết những tạo tác mà các sinh viên sử dụng trong lớp học trong chừng mực nào đó đều tác động đến tiến trình học tiếng Anh của sinh viên từ hình thức ghi nhớ, bắt chước, tập trung sự chú ý, học thêm từ mới hay mở rộng kiến thức.

Nhìn chung, kết quả cho câu hỏi nghiên cứu sinh viên tương tác với các tạo tác như thế nào trong tiến trình học tiếng Anh tại lớp cho thấy sự đồng thuận cao với ý kiến về sử dụng vở và bút ghi chép để giúp với tiến trình có thể ghi nhớ và hiểu kỹ hơn bài giảng của giáo viên. Mặc dù phương tiện kỹ thuật đã trở nên phổ biến trong các lớp học tiếng Anh, các sinh viên trong nghiên cứu này bày tỏ tỉ lệ đồng thuận thấp nhất với ý kiến thông qua tương tác với các ứng dụng công nghệ giúp họ suy nghĩ của mình về các vấn đề liên quan đến bài học trong các lớp tiếng Anh. Tuy vậy, họ đánh giá cao việc sử dụng dùng phần mềm Powerpoint trong trình bày tạo lớp thúc đẩy tương tác giữa suy nghĩ của họ với nội dung trình bày và cho rằng âm thanh và hình ảnh sinh động từ các thiết bị điện tử ví dụ như máy tính bảng, điện thoại di động giúp họ hiểu rõ hơn vấn đề/hoạt động trong lớp học. Kết quả từ phỏng vấn với sinh viên cho thấy hầu hết họ cho rằng tương tác với sách giáo khoa giúp sinh viên hiểu bài và cách hình ảnh trong sách giáo khoa giúp họ hình dung dễ dàng bài học và hiểu bài học hơn.

4.4. Nhận thức của sinh viên đối với vai trò của sách giáo khoa

Bảng hỏi đã được phát cho 150 sinh viên tiếng Anh, giá trị trung bình của các phát biểu trong nhóm chủ đề 3 việc sử dụng sách giáo khoa trợ giúp quá trình học tiếng Anh được thống kê trong bảng 3 như sau:

Bảng 3. Giá trị trung bình của các phát biểu trong nhóm “Tác động của sách giáo khoa đến quá trình suy nghĩ trong khi học tiếng Anh của sinh viên”

| Phát biểu | Giá trị nhỏ nhất | Giá trị lớn nhất | Giá trị trung | Độ lệch chuẩn |
|--|------------------|------------------|---------------|---------------|
| 23. Cấu trúc của sách giáo khoa dành cho SV tiếng Anh giúp tôi có một tầm nhìn bao quát về toàn bộ chương trình học. | 1 | 5 | 3,95 | 0,846 |
| 24. Các hoạt động trong sách giáo khoa dành cho SV tiếng Anh có thể giúp tôi hiểu rõ hơn các vấn đề liên quan ngành học tiếng Anh của tôi. | 1 | 5 | 3,94 | 0,796 |
| 25. Các phần ghi âm đi kèm sách giáo khoa giúp tôi tương tác với ngôn ngữ mục tiêu (tiếng Anh). | 1 | 5 | 3,81 | 0,849 |
| 26. Các hình ảnh trong sách giáo khoa dành cho SV tiếng Anh giúp tôi hiểu rõ bài học tại lớp hơn. | 1 | 5 | 3,99 | 0,714 |
| 27. Các hoạt động trong sách giáo khoa xúc tiến tương tác bằng ngôn ngữ mục tiêu (tiếng Anh) giữa tôi và giáo viên cũng như các bạn trong lớp. | 1 | 5 | 4,08 | 0,629 |
| 28. Các chỉ dẫn trong sách giáo khoa dành cho SV tiếng Anh giúp tôi suy nghĩ và thực hiện các hoạt động được giao. | 2 | 5 | 3,99 | 0,728 |
| 29. Các chỉ dẫn trong sách giáo khoa cho các môn học tiếng Anh giúp tôi phát triển tính tự chủ. | 1 | 5 | 3,92 | 0,832 |
| 30. Ngôn ngữ mục tiêu (tiếng Anh) trong sách giáo khoa giúp tôi hình thành và phát triển tương tác bằng tiếng Anh trong lớp học. | 1 | 5 | 4,10 | 0,721 |
| Giá trị trung bình nhóm chủ đề “Tác động của sách giáo khoa đến quá trình suy nghĩ trong khi học tiếng Anh của sinh viên” | 2,5 | 5 | 3,97 | 0,520 |

Bảng 3 cho thấy phát biểu “Ngôn ngữ mục tiêu (tiếng Anh) trong sách giáo khoa giúp tôi hình thành và phát triển tương tác bằng tiếng Anh trong lớp học” có GTTB cao nhất ($M=4,10$) và độ lệch chuẩn đạt 0,721 và phát biểu có GTTB thấp nhất là “Các phần ghi âm đi kèm sách giáo khoa giúp tôi tương tác với ngôn ngữ mục tiêu (tiếng Anh)” ($M=3,81$ và $SD=0,849$). Có thể giải thích vì sao ngôn ngữ mục tiêu lại đạt giá trị trung bình cao nhất trong bối cảnh của nghiên cứu này. Các sinh viên chủ yếu dùng sách giáo khoa về ngôn ngữ nguồn (language input) chủ yếu là từ sách giáo khoa. Thông qua tương tác với ngôn ngữ trong sách giáo khoa, sinh viên có thể nêu được ý kiến về các hoạt động trong sách giáo khoa cũng như các hoạt động khác trong lớp. Ngoài ra, cũng có thể thấy từ bảng 3, một phát biểu nữa cũng đạt giá trị trung bình cao đó là, “Các hoạt động trong sách giáo khoa xúc tiến tương tác bằng ngôn ngữ mục tiêu (tiếng Anh) giữa tôi và giáo viên cũng như các bạn trong lớp” ($M=4,08$; $SD=0,629$). Rõ ràng là các hoạt động trong sách giáo khoa rất cần thiết cho các sinh viên nhằm kích hoạt suy nghĩ của họ cũng như giúp họ hình thành những ý kiến để trả lời/tương tác với các yêu cầu của hoạt động trong sách giáo khoa.

Nhìn chung, nhóm chủ đề sinh viên sử dụng sách giáo khoa như thế nào trong quá trình học tiếng Anh cho thấy ngôn ngữ mục tiêu và các hoạt động trong sách giáo khoa được sinh viên chọn với tỷ lệ phần trăm cao vì ngôn ngữ mục tiêu cũng như các hoạt động trong sách giáo khoa là nguồn kích hoạt các suy nghĩ, ý kiến và việc sử dụng tiếng Anh trong các giờ học trong lớp, đóng vai trò là yếu tố kích hoạt thúc đẩy việc hình thành ý kiến.

5. Bàn Luận

Nghiên cứu này tập trung vào ba vấn đề chính: tìm hiểu các tạo tác được sử dụng trong các lớp học tiếng Anh; sinh viên tương tác với các tạo tác như thế nào trong tiến trình học tiếng Anh; và vai trò của sách giáo khoa trong khi học tiếng Anh của sinh viên. Tạo tác theo quan điểm của thuyết văn hoá xã hội có vai trò trung gian kích hoạt và thay đổi suy nghĩ nhận thức của con người trong tiến trình dùng các tạo tác phục vụ những mục đích khác nhau (Le, 2021; Le & Bui, 2021; Niu, Lu & You, 2018). Xét về thể loại, kết quả từ bảng hỏi và phỏng vấn cho thấy tạo tác lớp học được sinh viên tiếng Anh báo cáo sử dụng đúng với những phân loại tạo tác và tác giả Niu, Lu và You (2018) đã chỉ ra: tạo tác vật chất bao gồm, vở ghi chép, bút, giấy, viết tô sáng; hình tượng ngôn ngữ trong sách giáo khoa và ở các trình chiếu, tranh ảnh chủ yếu từ sách giáo khoa; và tạo tác văn hoá bao gồm tuyển tập bài tập portfolio, các hoạt động trong sách giáo khoa và máy tính. Kết quả khảo sát cho thấy nhóm chủ đề về các tạo tác được sử dụng trong các lớp học tiếng Anh và nhóm chủ đề sinh viên tương tác với các tạo tác như thế nào trong tiến trình học tiếng Anh tại lớp có giá trị trung bình khá chênh nhau nhưng vẫn đạt được giá trị khá cao: 3,67 và 4,12. Các chỉ số này cho thấy nhìn chung sinh viên đồng thuận cao với việc dùng các tạo tác trong lớp học; tuy vậy, họ đồng thuận cao hơn với ý kiến về sự tương tác và vai trò trung gian trợ giúp của các tạo tác trong quá trình học tiếng Anh.

Theo thuyết văn hoá xã hội, các tạo tác văn hoá đóng vai trò trung gian trong những hoạt động tinh thần và xã hội của con người (Lantolf & Thorne, 2006). Kết quả từ nghiên cứu này cho thấy rằng, trong lớp học, trợ giúp tiến trình suy nghĩ của người học có thể diễn ra theo một số hình thức qua các loại tạo tác khác nhau: tập trung vào qua tiến trình liên quan đến suy nghĩ: ghi nhớ, hình dung, hiểu bài học và lĩnh hội kiến thức. Kết quả của một số nghiên cứu trước đây đã cho thấy rằng tài liệu dạy học, video, bài tập của sinh viên, các loại hình công nghệ có khả năng thúc đẩy các hoạt động giao tiếp (Borko, Kuffne, Arnold, Creighton, Stecher, Martinez & Gilbert, 2007; Orland-Barak & Maskit, 2017) và tạo cơ hội cho người học tương tác với tạo tác và với nhau (Bairaktarova, Evangelou, Bagiati và Dobbs-Oates, 2012); xúc tiến việc học nói tiếng Anh qua sách giáo khoa (Niu, Lu và You, 2018). Trong nghiên cứu này, sinh viên chỉ ra rằng sử dụng vở và bút ghi chép để trợ giúp tiến trình ghi nhớ và hiểu kỹ hơn bài giảng của giáo viên. Họ cũng đánh giá cao việc sử dụng dùng phần mềm Powerpoint trong trình bày tạo lớp thúc đẩy tương tác giữa suy nghĩ của họ với nội dung trình bày và cho rằng âm thanh và hình ảnh sinh động từ các thiết bị điện tử ví dụ như máy tính bảng, điện thoại di động giúp họ hiểu rõ hơn vấn đề/hoạt động trong lớp học. Ngoài ra, qua phỏng vấn sinh viên cho thấy hầu hết họ cho rằng tương tác với sách giáo khoa giúp họ hiểu bài và cách hình ảnh trong sách giáo khoa giúp họ hình dung dễ dàng bài học và hiểu bài học hơn.

Tạo tác, theo Vygotsky (1980) có thể thay đổi những chức năng suy nghĩ bậc thấp như nhận thức, ghi nhớ, chú ý cho đến những chức năng bậc cao ví dụ như đưa ra khái niệm, vạch kế hoạch và giải quyết vấn đề. Các sinh viên trong nghiên cứu này báo cáo cả hai loại hình thức suy nghĩ bậc thấp và bậc cao trong phiếu khảo sát và trong phỏng vấn.

6. Kết luận và kiến nghị

Kết quả từ khảo sát về các tạo tác trong lớp học cho thấy rằng hầu hết sinh viên cho rằng họ sử dụng sách giáo khoa/giáo trình để học tiếng Anh tại lớp với số phần trăm đồng ý cao nhất, theo sau số phần trăm của phát biểu sử dụng vở, giấy, bút, và các đồ dùng học tập khác để học tiếng Anh tại lớp. Kết quả này phản ánh thực tế rằng sách giáo khoa vẫn là công cụ chính trong các lớp học tiếng Anh tại địa điểm nghiên cứu và sách giáo khoa/giáo trình luôn đóng vai trò chủ đạo là nguồn tạo tác cung cấp nguồn ngôn ngữ, các hoạt động, hình ảnh cho sinh viên trong quá trình học tiếng Anh. Vì vậy, lựa chọn sách giáo khoa đáp ứng được mục tiêu chương trình học là cần thiết.

Ngoài ra, sinh viên đồng thuận cao với ý kiến về sử dụng vở và bút ghi chép để giúp với tiến trình có thể ghi nhớ và hiểu kỹ hơn bài giảng của giáo viên. Họ cũng cho rằng việc sử dụng dùng phần mềm Powerpoint trong trình bày tạo lớp thúc đẩy tương tác giữa suy nghĩ của họ với nội dung trình bày. Qua phỏng vấn, hầu hết sinh viên cho thấy rằng tương tác với sách giáo

khoa giúp sinh viên hiểu bài và các hình ảnh trong sách giáo khoa giúp họ hình dung dễ dàng bài học và hiểu bài học hơn.

Từ các kết quả trên, đề tài đưa ra một số kiến nghị về việc sử dụng các tạo tác trong lớp học đối với giảng viên/giáo viên dạy tiếng Anh và sinh viên. Các tạo tác trong lớp học trong chừng mực nào đó, trực tiếp hay gián tiếp tác động vào suy nghĩ của người học. Vì vậy, việc sử dụng đa dạng các loại tạo tác trong lớp học sẽ đa dạng hoá và kích hoạt tiến trình suy nghĩ của người học. Ngoài ra, các công cụ sử dụng trong lớp học từ sách, máy tính, bài kiểm tra, các ứng dụng mạng xã hội, v.v. đều có khả năng góp phần vào việc trợ giúp tiến trình suy nghĩ của người học. Vì lý do này, giáo viên và học viên cần hiểu rõ và sử dụng hiệu quả hơn các tạo tác lớp học. Ví dụ, các chỉ dẫn, hình ảnh, và hoạt động trong sách giáo khoa có thể định hướng, cách mà người học thực hiện các hoạt động trong lớp học. Ngoài ra, giáo viên cần triển khai và sử dụng các chỉ dẫn và hoạt động từ sách giáo khoa nếu khung thời gian bài giảng cho phép. Các sinh viên tham gia nghiên cứu này chưa thật sự đánh giá cao việc sử dụng công nghệ trong các lớp học tiếng Anh vì vậy giáo viên cần sử dụng hiệu quả hơn và kết hợp dùng sách giáo khoa và các ứng dụng công nghệ để kích hoạt và phát triển việc sử dụng ngôn ngữ mục tiêu của sinh viên.

Đối với việc học các kỹ năng tiếng Anh, các hoạt động trong sách giáo khoa sẽ kích hoạt kiến thức nền của sinh viên khi tham gia. Sự tương tác này một mặt giúp sinh viên hoàn tất hoạt động được giao. Một mặt giúp sinh viên kích hoạt và sử dụng kiến thức nền để có thêm ý tưởng. Vì vậy, sinh viên nên tích cực tham gia các hoạt động tại lớp. Các tạo tác lớp học từ vở ghi chép, bút tô sáng cho đến máy chiếu đều có những vai trò trung gian nhất định đối với tiến trình học tiếng Anh của sinh viên. Vì vậy, cần mang theo những công cụ học tập cũng như sử dụng chúng là cần thiết đối với sinh viên. Ngoài ra, sinh viên cần sử dụng thường xuyên hơn các tạo tác khác như Powerpoint, máy tính bảng, điện thoại di động v.v. ngoài sách giáo khoa để kích thích quá trình suy nghĩ trong khi học tiếng Anh và để được trợ giúp với việc ghi nhớ, hiểu, tìm ý tưởng cho các hoạt động tại lớp.

Nghiên cứu này không đi sâu tìm hiểu về lâu dài sinh viên có đạt được những tiến bộ về ngôn ngữ có thể đo lường được, ví dụ như những tiến bộ về từ vựng, cấu trúc câu tiếng Anh sau khi tương tác và sử dụng các tạo tác lớp học. Ngoài ra, việc sử dụng tạo tác là một mảng đề tài rộng do mỗi tạo tác khác nhau đều có khả năng làm trung gian suy nghĩ cho người học một cách khác nhau. Hơn thế nữa trong các bối cảnh lớp học khác nhau cũng như trong những nền văn hoá khác nhau, việc sử dụng công cụ lớp học ít nhiều bị ảnh hưởng bởi những yếu tố này, vì vậy, chúng cần được tìm hiểu kỹ để đưa ra những giải pháp sử dụng tạo tác thích hợp với các lớp học trong những bối cảnh cụ thể.

Từ kết quả của nghiên cứu này có thể thấy sách giáo khoa luôn hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tiếng Anh, từ ngôn ngữ trong sách giáo khoa cho đến các chỉ dẫn, hình ảnh, hoạt động, file nghe, v.v. Tuy vậy cần có nghiên cứu chuyên sâu để biết được thật sự tiến trình chuyển hoá nhận thức sinh viên sau khi tương tác với sách giáo khoa/tạo tác xảy ra như thế nào. Nghiên cứu tương lai cũng có thể tìm hiểu liệu rằng tương tác và sử dụng các tạo tác lớp học về lâu dài thì

sinh viên sẽ tiến bộ về kỹ năng nào hay phương diện nào trong tiếng Anh cũng như giữa các tạo tác được sử dụng trong lớp học, tạo tác nào mang lại nhiều tiến bộ nhất cho sinh viên khi học tiếng Anh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bagarukayo, E., Ssentamu, P., Mayisela, T., & Brown, C. (2016). Activity Theory as a lens to understand how Facebook develops knowledge application skills. *International Journal of Education and Development using ICT*, 12(3).
2. Bagherpour, N., Rashtchi, M., & Birjandi, P. (2017). The Impact of Mediational Artifact Types on EFL Learners' Writing Complexity: Collaboration vs. Asynchronous Artifacts. *Language and Translation*, 7(4), 33-47.
3. Bairaktarova, D., Evangelou, D., Bagiati, A., & Dobbs-Oates, J. (2012). The role of classroom artifacts in developmental engineering. In Proceedings of *the American Society for Engineering Education Annual Conference*, San Antonio, TX.
4. Borko, H., Kuffner, K. L., Arnold, S. C., Creighton, L., Stecher, B. M., Martinez, F., & Gilbert, M. L. (2007). *Using Artifacts to Describe Instruction: Lessons Learned from Studying Reform-Oriented Instruction in Middle School Mathematics and Science*. CSE Technical Report 705. National Center for Research on Evaluation, Standards, and Student Testing (CRESST).
5. Đinh Thị Bảo Hương (2015). *Factors influencing English as a Foreign Language (EFL) teachers' use of Information and Communication Technology (ICT) in classroom practice: A mixed methods study at Hanoi University, Vietnam*. Doctor of Philosophy (PhD), Education, RMIT University.
6. Graglia, D. (2021). *How many survey responses do I need to be statistically valid? Find your sample size*. Available at: <https://www.surveymonkey.com/curiosity/how-many-people-do-i-need-to-take-my-survey/>. Accessed on May 16, 2021.
7. Hennessy, S. (2011). The role of digital artefacts on the interactive whiteboard in supporting classroom dialogue. *Journal of computer assisted learning*, 27(6), 463-489.
8. Kaur, N. (2017). The role of peers and cultural tools in supporting autonomous learning behaviour among Malay tertiary learners. *Pertanika Journal of Social Sciences and Humanities*, 25(1), 61-80.
9. Lantolf, J. P. & S. L. Thorne (2006). *Sociocultural theory and the genesis of second language development*. Oxford University Press.

10. Le Pham Hoai Huong (2021). Textbook mediation in EFL university students' learning. *Language Related Research*, 3(12), 255-276.
11. Le Pham Hoai Huong & Bui Phu Hung. (2021). Mediation of digital tools in English learning. *LEARN Journal: Language Education and Acquisition Research Network*, 14(2), 512-528.
12. Le Pham Hoai Huong (2020). The role of mediation in classroom interaction (139-156). Lee, H., & Spolsky, B. (Eds.) *Localizing Global English: Asian Perspectives and Practices*. London: Routledge.
13. Martin-Beltrán, M., Daniel, S., Peercy, M., & Silverman, R. (2017). Developing a zone of relevance: Emergent bilinguals' use of social, linguistic, and cognitive support in peer-led literacy discussions. *International Multilingual Research Journal*, 11(3), 152-166.
14. Nhạc Thanh Hương và Lã Nguyễn Bình Minh (2018). Các yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú học ngoại ngữ của sinh viên trường Đại Học Luật Hà Nội. Truy cập từ: <http://ngoaingu.hlu.edu.vn/SubNews/Details/16867>, ngày 20/10/2019.
15. Niu, R., Lu, K., & You, X. (2018). Oral language learning in a foreign language context: Constrained or constructed? A sociocultural perspective. *System*, 74, 38-49. <https://doi.org/10.1016/j.system.2018.02.006>
16. Orland-Barak, L., & Maskit, D. (2017). Mediation in professional learning. In L. Orland-Barak, & D. Maskit (Eds), *Methodologies of mediation in professional learning* (pp. 1-14). Springer.
17. Øygardslia, K., & Aarsand, P. (2018). "Move over, I will find Jerusalem": Artifacts in game design in classrooms. *Learning, culture and social interaction*, 19, 61-73.
18. Thùy Trang (2019). Ứng dụng hiệu quả smartphone trong dạy học nơi vùng khó <https://giaoducthoidai.vn/trao-doi/ung-dung-hieu-qua-smartphone-trong-day-hoc-noi-vung-kho-3985902-b.html>. Truy cập ngày 20 tháng 10 năm 2019.
19. Vygotsky, L. S. (1980). *Mind in society: The development of higher psychological processes*. Harvard University Press.